

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/DS-PT
Ngày 16-10-2018
V/v tranh chấp bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng do
tài sản bị xâm phạm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuệ;

Các Thẩm phán: Bà Lương Thị Hồng;

Bà Chu Lệ Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Liễu Thị Hồng Thẩm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2018/TLPT-DS ngày 26/6/2018 về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 36/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2018 và Thông báo chuyển ngày xét xử số 12/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Chu Thị D, vắng mặt;
 2. Anh Hoàng Văn C, vắng mặt;
 3. Chị Vi Thị T, vắng mặt;
 4. Chị Hoàng Thị T2, vắng mặt;
 5. Chị Hoàng Thị G, vắng mặt;
 6. Anh Hoàng Văn C1 (tức Hoàng Văn V), vắng mặt;
- Cùng cư trú tại: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn bà Chu Thị D, anh Hoàng Văn C, chị Vi Thị T, chị Hoàng Thị T2, chị Hoàng Thị G, anh Hoàng Văn C1 (tức Hoàng Văn V): Bà Nông Thị K. Cư trú tại: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 05/9/2018), có mặt.

- Bị đơn: Ông Vi Văn D1. Cư trú tại: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nông Thị K, có mặt;
2. Anh Vi Văn V1, có mặt;
3. Anh Vi Văn V2, vắng mặt;
4. Chị Lý Thị T2, vắng mặt;
5. Bà Hoàng Thị M, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;

- Người kháng cáo: Ông Vi Văn D1 là bị đơn;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2012, gia đình bà Chu Thị D xảy ra tranh chấp đất và tài sản trên đất tại lô 233, đồi N, thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn với gia đình ông Vi Văn D1. Tại bản án số 12/2012/DSST, ngày 20/9/2012, của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn thì gia đình bà Chu Thị D đã được giao quản lý, sử dụng đất và cây thông trồng trên đất tại lô 233, đồi N, thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Gia đình bà Chu Thị D được quyền khai thác và làm các thủ tục khai thác theo đúng quy định của pháp luật, nhưng khi bà Chu Thị D ủy quyền cho bà Nông Thị K khai thác gỗ thì ông Vi Văn D1 và người nhà ông Vi Văn D1 đã ngăn cản không cho bà Nông Thị K vận chuyển gỗ ra khỏi rừng để bán. Ông Vi Văn D1 cũng thừa nhận việc này. Nay gỗ thông đã bị mục toàn bộ. Do vậy bà Chu Thị D anh Hoàng Văn C, chị Vi Thị T, chị Hoàng Thị T2, chị Hoàng Thị G khởi kiện ông Vi Văn D1, yêu cầu ông Vi Văn D1 phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bà Chu Thị D 24.000.000 đồng tiền gỗ thông, 3.000.000 đồng tiền củi thông.

Gia đình anh Hoàng Văn C1 đã trồng thông ở lô 233, đồi N, thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, nhưng gia đình ông Vi Văn D1 đã khai thác nhựa thông mà không được sự đồng ý của gia đình anh Hoàng Văn C1, ông Vi Văn D1 đã phá hỏng hết các túi đựng nhựa thông, ngoài ra còn đe dọa đánh bà Nông Thị K và anh Hoàng Văn C1 nên bà Nông Thị K không dám khai thác nhựa thông. Nay anh Hoàng Văn C1 yêu cầu ông Vi Văn D1 phải bồi thường cho gia đình anh Hoàng Văn C1 tiền khai thác nhựa thông là 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm, 26/3/2018, anh Hoàng Văn C1 (tức V) đã rút yêu cầu bồi thường tiền

khai thác nhựa thông, không yêu cầu tòa án giải quyết vấn đề này. Tại biên bản lấy lời khai ngày 5/4/2018, bà Nông Thị K và các nguyên đơn đã rút yêu cầu bồi thường số củi thông bị mục, không yêu cầu ông Vi Văn D1 phải bồi thường tiền củi thông bị mục, yêu cầu ông Vi Văn D1 phải bồi thường số tiền giá trị gỗ thông bị thiệt hại là 14.690.000đồng theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản.

Ông Vi Văn D1 trình bày: Ông được nhà nước giao đất giao rừng tại lô 232, ông không tranh chấp lô 233 của nhà ông Hoàng Văn S (ông Hoàng Văn S đã chết, bà Chu Thị D là vợ và các con của ông Hoàng Văn S đang quản lý đất tại lô 233 này). Do bà Nông Thị K khai thác gỗ thông tại lô 232 của ông nên ông không cho bà Nông Thị K vận chuyển gỗ ra khỏi rừng. Ông được khai thác nhựa thông tại lô 232 và ông không biết lô 234 của anh Hoàng Văn C1 ở đâu. Việc phía nguyên đơn rút yêu cầu về việc yêu cầu ông bồi thường 10.000.000đồng tiền nhựa thông và 3.000.000đồng tiền củi thông đã bị mục, ông cũng không có ý kiến gì, ông không khởi kiện gia đình bà Nông Thị K về việc tranh chấp nhựa thông tại lô 234. Đối với yêu cầu của các nguyên đơn yêu cầu ông bồi thường tiền gỗ thông bị mục ông không nhất trí bồi thường.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Vi Văn V2, Vi Văn V1, chị Lý Thị T2, bà Hoàng Thị M đều nhất trí với ý kiến trình bày của ông Vi Văn D1; anh Vi Văn V2 thừa nhận được bảo người cắt gỗ cho bà K, không cắt gỗ thông của gia đình anh và không cho Ủy ban nhân dân xã vào lập biên bản sự việc tranh chấp gỗ thông giữa gia đình anh và gia đình bà Nông Thị K.

Ngày 16/01/2018, Tòa án đã đi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Giá trị gỗ thông bị hư hỏng là 14.690.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2018/DS-ST ngày 14/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 259, Điều 227, khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 158, Điều 163, khoản 1 Điều 147, khoản 1 điều 166, các Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 245, Điều 246, Điều 193, Điều 194, Điều 197, khoản 1 Điều 604, khoản 1 Điều 605 và Điều 608 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015

Căn cứ vào Điều 49 pháp lệnh người có công với cách mạng, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm của các nguyên đơn bà Chu Thị D, chị Vi Thị T, chị Hoàng Thị T2; chị Hoàng Thị G; anh Hoàng Văn C. Buộc bị đơn ông Vi Văn D1 phải bồi thường cho bà Chu Thị D, anh Hoàng Văn C, chị Vi Thị T, chị Hoàng Thị T2;

chị Hoàng Thị G số tiền gỗ thông đã bị mục là 14.690.000 đồng (bằng chữ: Mười bốn triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng);

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và lãi xuất phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu đòi bồi thường số tiền nhựa thông tại lô 234, đồi N, thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn của anh Hoàng Văn C1 (tức Vinh) và tiền củi thông bị mục của các nguyên đơn bà Chu Thị D, anh Hoàng Văn C, chị Vi Thị T, chị Hoàng Thị T2; chị Hoàng Thị G.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: ông Vi Văn D1 phải chịu 2.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Do các nguyên đơn đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng tiền chi phí đi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Nay ông Vi Văn D1 phải trả các nguyên đơn Chu Thị D, anh Hoàng Văn C, chị Vi Thị T, chị Hoàng Thị T2; chị Hoàng Thị G, Hoàng Văn C1 2.500.000 đồng tiền chi phí đi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận Tòa án đã hoàn trả 500.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá còn thừa, theo biên bản giao nhận với bà Nông Thị K ngày 16/4/2018.

4. Về án phí: Bị đơn ông Vi Văn D1 phải chịu 734.500 đồng án phí giá ngạch để sung vào ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho các nguyên đơn bà Chu Thị D, anh Hoàng Văn C, chị Vi Thị T, chị Hoàng Thị T2; chị Hoàng Thị G; anh Hoàng Văn C1 (tức Hoàng Văn V) 925.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà các nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình theo biên lai số AA/2011/01115 ngày 09/10/2017.

Ngày 18/5/2018, ông Vi Văn D1 kháng cáo không chấp nhận bồi thường thiệt hại về tài sản cho các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Vi Văn D1 giữ nguyên kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nông Thị K trình bày: Yêu cầu ông Vi Văn D1 phải bồi thường số tiền trị giá những cây thông vì đây là tài sản hợp pháp của nguyên đơn

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đủ các quyền, nghĩa vụ của mình. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía gia đình ông D1, gồm: bà M, anh V2, chị T2 không chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Về nội dung vụ án: Ông D1 kháng cáo hợp lệ. Theo bản án dân sự sơ thẩm số 12/2012/DSST ngày 20/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, giải quyết về quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa nguyên đơn ông Vi Văn D1 và bị đơn anh Hoàng Văn C1 đã quyết định giao toàn bộ diện tích 3.800m² đất rừng và 255 cây thông có trên đất thuộc lô 233 tại đồi rừng N, thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho gia đình anh Hoàng Văn C1 (do bà Chu Thị D là đại diện) được quản lý sử dụng. Sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật ngày 24/10/2013 Chi cục Thi hành án huyện Lộc Bình đã thực hiện thủ tục giao đất cho gia đình các nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các đương sự đều thừa nhận vị trí gia đình bà K khai thác gỗ thông chính là vị trí gia đình nguyên đơn được giao đất theo bản án dân sự sơ thẩm năm 2012, về các phía tiếp giáp vị trí khai thác cây thông ông D1 và bà K khai đều phù hợp với vị trí các phía tiếp giáp phần đất tranh chấp theo bản án dân sự sơ thẩm năm 2012 và sơ họa khu đất tranh chấp khi cơ quan Thi hành án tiến hành bàn giao khu đất cho gia đình nguyên đơn. Bà K được gia đình nguyên đơn ủy quyền khai thác gỗ trên diện tích đất được giao theo bản án dân sự sơ thẩm năm 2012, việc khai thác gỗ phía gia đình nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ thủ tục, nộp phí và được Ủy ban nhân dân xã đồng ý, phê duyệt nên việc khai thác gỗ là hợp pháp. Gia đình ông D1 có hành vi cản trở bà K khai thác, vận chuyển gỗ ra khỏi rừng dẫn đến gỗ bị mục nát, do đó bản án sơ thẩm quyết định buộc ông D1 phải bồi thường cho các nguyên đơn số tiền 14.900.000 đồng là có căn cứ, ông D1 kháng cáo không chấp nhận bồi thường là không có cơ sở. Tuy nhiên, về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bản án sơ thẩm buộc ông D1 phải tự chịu là không đúng quy định tại Điều 587 Bộ luật dân sự, vì theo lời khai của ông D1 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía gia đình ông D1 thì họ cùng có hành vi ngăn cản bà K khai thác, vận chuyển gỗ ra khỏi rừng dẫn đến thiệt hại; tại Biên bản làm việc của Ủy ban nhân dân xã khuất xã ghi *“Gia đình ông D1 có hành vi ngăn cản không cho vận chuyển gỗ đi”*, điều đó cho thấy ông D1 và các thành viên trong gia đình cùng có hành vi cản trở việc khai thác, vận chuyển gỗ thông, do đó họ phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị thiệt hại. Tại phiên tòa hôm nay khi được hỏi về vấn đề này ông D1, anh V1 có ý kiến *“Trường hợp phải bồi thường cho các nguyên đơn, một mình ông D1 sẽ tự chịu trách nhiệm cho tất cả các thành viên trong gia đình”*, thấy rằng, việc ông D1 tự nguyện chịu trách nhiệm cho các thành viên trong gia đình là phù hợp với quy định của pháp luật, cần ghi nhận.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308, xử không chấp nhận kháng cáo của ông Vi Văn D1, Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 04/2018/DS-ST ngày 14/5/2018 Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các

chứng cứ và ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa, thấy rằng:

[2] Theo kết quả giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2012/DSST, ngày 20/9/2012, của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn thì gia đình bà Chu Thị D đã được giao quản lý, sử dụng đất và cây thông trồng trên đất tại lô 233, đồi N, thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Gia đình bà Chu Thị D được quyền khai thác và làm các thủ tục khai thác theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bà Chu Thị D ủy quyền cho bà Nông Thị K khai thác gỗ. Như vậy xác định các cây thông gia đình bà Chu Thị D ủy quyền cho bà Nông Thị K khai thác vào tháng 7/2014 thuộc sở hữu hợp pháp của gia đình bà Chu Thị D.

[3] Các bên thừa nhận số gỗ thông đã khai thác nằm trên diện tích đất đã giải quyết tại bản án số: 12/2012/DSST, ngày 20/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn và nằm trong diện tích mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã giao tại Biên bản giao, nhận tài sản thi hành án ngày 29/10/2013; thừa nhận ông Vi Văn D1 không cho vận chuyển gỗ thông ra khỏi rừng là nguyên nhân dẫn đến việc gỗ thông bị mục. Bản thân ông Vi Văn D1 cũng thừa nhận ông được Nhà nước giao đất, giao rừng tại lô 232, đồi N, thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, ông Hoàng Văn S được giao lô 233, đồi N, thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do ông Hoàng Văn S đã chết nên bà Chu Thị D và các con đã ủy quyền khai thác gỗ cho bà Nông Thị K, trước khi bà Nông Thị K khai thác, bà đã được ủy quyền từ bà Chu Thị D và làm đầy đủ thủ tục, nộp phí và được Ủy ban nhân dân xã cho phép. Khi khai thác, gia đình bà Nông Thị K đã có giấy phép khai thác của UBND xã K, số lượng khai thác tại lô 233 là 12m³, lô 234 là 05m³. Việc bà Nông Thị K khai thác thông là hợp pháp. Khi bà Nông Thị K khai thác thông đã xảy ra việc bị đơn ông Vi Văn D1 đến tranh chấp. Việc ông D1 và gia đình đã ngăn cản không cho gia đình bà K chuyển gỗ thông đã khai thác tại lô 233 ra khỏi rừng là hành vi có lỗi, vi phạm quy định của pháp luật. Đó đó, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của các nguyên đơn và quyền được khai thác gỗ của bà Nông Thị K. Hành vi này gây ra thiệt hại khiến cho số gỗ mà bà Nông Thị K đã khai thác bị mục, đây là lỗi của ông Vi Văn D1 và các con Vi Văn V2, Vi Văn V1 là những người trong gia đình ông Vi Văn D1. Tại phiên tòa ông Vi Văn D1 xác định nếu phải bồi thường cho gia đình bà Chu Thị D thì một mình ông sẽ chịu trách nhiệm. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn buộc ông Vi Văn D1 phải bồi thường thiệt hại là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích trên thấy rằng Bản án sơ thẩm buộc ông Vi Văn D1 phải bồi thường thiệt hại là có căn cứ. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Vi Văn D1.

[5] Do cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông Vi Văn D1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2017 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 235, Điều 189, khoản 1 Điều 191, Điều 584, khoản 1 Điều 585 và khoản 1 Điều 589, Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Vi Văn D1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2018/DS-ST ngày 14/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm của các nguyên đơn bà Chu Thị D, chị Vi Thị T, chị Hoàng Thị T2; chị Hoàng Thị G; anh Hoàng Văn C. Buộc bị đơn ông Vi Văn D1 phải bồi thường cho bà Chu Thị D, anh Hoàng Văn C, chị Vi Thị T, chị Hoàng Thị T2; chị Hoàng Thị G số tiền gỗ thông đã bị mục là 14.690.000 đồng (bằng chữ: Mười bốn triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng);

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và lãi xuất phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu đòi bồi thường số tiền nhựa thông tại lô 234, đồi N, thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn của anh Hoàng Văn C1 (tức V) và tiền củi thông bị mục của các nguyên đơn bà Chu Thị D, anh Hoàng Văn C, chị Vi Thị T, chị Hoàng Thị T2; chị Hoàng Thị G.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: ông Vi Văn D1 phải chịu 2.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Do các nguyên đơn đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng tiền chi phí đi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Nay ông Vi Văn D1 phải trả các nguyên đơn Chu Thị D, anh Hoàng Văn C, chị Vi Thị T, chị Hoàng Thị T2; chị Hoàng Thị G, Hoàng Văn C1 2.500.000đồng tiền chi phí đi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận Tòa án đã hoàn trả 500.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá còn thừa, theo biên bản giao nhận với bà Nông Thị K ngày 16/4/2018.

4. Về án phí dân sự: Các đương sự phải chịu án phí sung quỹ Nhà nước như sau:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Vi Văn D1 phải chịu 734.500đồng án phí giá ngạch để sung vào ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho anh Hoàng Văn C1 (tức Hoàng Văn V) 925.000đồng tiền tạm ứng án phí mà các nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc

Bình theo biên lai số AA/2011/01115 ngày 09/10/2017.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vi Văn D1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Vi Văn D1 đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/01235 ngày 22/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Ông Vi Văn D1 đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Lộc Bình, T.Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người ĐDHP của các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP; TDS; KTNV và THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuệ